

# THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO KIẾN THỨC THÔNG TIN TẠI MỘT SỐ THƯ VIỆN ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

ThS Trương Đại Lượng  
Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

**Tóm tắt:** Giới thiệu kết quả nghiên cứu về việc đào tạo kiến thức thông tin tại sáu thư viện trường đại học ở Việt Nam. Nêu rõ mục tiêu, phạm vi, phương pháp và kết quả cụ thể của nghiên cứu. Đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng đào tạo kiến thức thông tin trong trường đại học.

**Từ khóa:** Kiến thức thông tin; Đào tạo kiến thức thông tin; Thư viện trường đại học.

## Real state of information literacy training in some universities of Vietnam

**Summary:** Presents results of investigation into information literacy training at 6 university libraries in Vietnam; indicates clearly the objectives, scope, method and concrete results of this study; sets forth some recommendations on quality enhancement of information literacy training in universities

**Keywords:** Information literacy; Information literacy training; University library

### 1. Đặt vấn đề

Ngày nay, sự phát triển của xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức đòi hỏi người lao động phải có năng lực tư duy, giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, cũng như khả năng học tập suốt đời. Trong bối cảnh đó, kiến thức thông tin (KTTT) nổi lên như một trong những kỹ năng quan trọng nhất [2], bởi lẽ với KTTT người học được đảm bảo năng lực học tập suốt đời, họ là người “biết cách học” [5].

Nhận thức được tầm quan trọng của KTTT, nhiều nước phát triển như Hoa Kỳ, Ôxtralia, Canada, các nước thuộc Liên minh Châu Âu đã triển khai đào tạo KTTT cho sinh viên và coi KTTT như một trong các chuẩn đầu ra đối với sinh viên. Ủy ban Giáo dục Đại học các bang miền trung Hoa Kỳ cho rằng: “KTTT là thành tố cần thiết

đối với bất cứ chương trình đào tạo nào ở các trình độ khác nhau” [4].

Ở nước ta, trong những năm gần đây, nhiều thư viện đại học đã quan tâm phát triển KTTT cho sinh viên. Tuy nhiên, mức độ quan tâm và chất lượng đào tạo KTTT của các thư viện đại học còn khác nhau. Bài viết này cung cấp các số liệu cụ thể, chi tiết - kết quả của một công trình nghiên cứu - về việc đào tạo KTTT tại sáu thư viện trường đại học ở nước ta, giúp trả lời một số câu hỏi như: cán bộ thư viện tham gia giảng dạy KTTT như thế nào; thư viện tiến hành thiết kế, triển khai và đánh giá hiệu quả giảng dạy KTTT ra sao?...

### 2. Định nghĩa kiến thức thông tin

Có nhiều định nghĩa khác nhau về KTTT. Theo UNESCO, KTTT là sự kết hợp của kiến thức, sự hiểu biết, các kỹ năng

## ***Nghiên cứu - Trao đổi***

và thái độ mà mỗi thành viên cần hội tụ đầy đủ trong xã hội thông tin. Khi mỗi cá nhân có KTTT thì họ sẽ phát triển khả năng lựa chọn, tiếp biến, đánh giá, thao tác và trình bày thông tin [8]. Định nghĩa này khá rộng và đòi hỏi người có KTTT không những trình độ mà còn cả thái độ đúng đắn trong việc sử dụng thông tin, nghĩa là có đạo đức trong sử dụng thông tin. Việc truy cập, sử dụng và phổ biến thông tin phải phù hợp với pháp luật.

Theo *Hiệp hội Thư viện Đại học và Nghiên cứu Hoa Kỳ*, KTTT là “tập hợp các khả năng cho phép mỗi cá nhân có thể nhận ra khi nào họ cần thông tin, có khả năng định vị, đánh giá và sử dụng thông tin cần thiết có hiệu quả” [1].

Boekhorst (2003) cho rằng, tất cả các định nghĩa và mô tả về KTTT được trình bày trong thời gian qua được tóm tắt thành ba khái niệm:

- Khái niệm công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT-TT): KTTT đề cập đến khả năng sử dụng CNTT-TT để tra cứu và phổ biến thông tin.

- Khái niệm các nguồn thông tin: KTTT đề cập đến khả năng tìm và sử dụng thông tin một cách độc lập hoặc với sự trợ giúp của trung gian.

- Khái niệm tiến trình thông tin: KTTT đề cập đến tiến trình nhận ra nhu cầu tin, tra cứu, đánh giá, sử dụng và phổ biến thông tin theo yêu cầu hoặc mở rộng kiến thức. Khái niệm này bao gồm cả khái niệm CNTT-TT và khái niệm các nguồn tin [3].

Như vậy KTTT không chỉ đơn thuần là kỹ năng khai thác thông tin trên mạng hoặc

thông tin trong các tài liệu truyền thống mà bao gồm nhiều kỹ năng như: định hướng nhu cầu thông tin, sử dụng các công cụ tìm tin có hiệu quả và khả năng thẩm định các nguồn tin. Được trang bị KTTT con người sẽ chủ động hơn trong học tập, nghiên cứu và có thể tự học suốt đời (lifelong learning).

### **3. Mục tiêu nghiên cứu**

Mục tiêu chính của nghiên cứu này là tìm hiểu thực trạng công tác phát triển KTTT cho sinh viên đại học ở Việt Nam, cụ thể là trả lời các câu hỏi sau:

a) Nhận thức của cán bộ thư viện về tầm quan trọng của công tác phát triển KTTT như thế nào?

b) Mức độ quan tâm của các bên liên quan đến công tác phát triển KTTT?

c) Chương trình KTTT cho sinh viên đã được các thư viện thiết kế như thế nào? Bao gồm những nội dung gì?

d) Các thư viện đại học triển khai và đánh giá chương trình KTTT cho sinh viên ra sao?.

### **4. Phạm vi nghiên cứu**

Mẫu nghiên cứu được giới hạn trong số các cán bộ thư viện trực tiếp tham gia đào tạo KTTT tại sáu thư viện đại học ở Việt Nam, bao gồm: Thư viện trường Đại học Hà Nội (ĐHHN), Thư viện trường Đại học Giao thông (ĐHGT), Trung tâm Học liệu Huế (TTHLH), Thư viện trường Đại học Hà Tĩnh (ĐHHT), Thư viện trung tâm thuộc Đại học Quốc gia Tp. HCM (ĐHQG Tp. HCM), Thư viện trường Đại học Văn hóa Tp. HCM (ĐHVH Tp. HCM). Các thư viện này được coi là đại diện cho thư viện ở các khu vực và các quy mô khác nhau.

## Nghiên cứu - Trao đổi

### 5. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi như là phương tiện chính để thu thập dữ liệu. Bảng hỏi được thiết kế dựa trên các công cụ đã sử dụng trong các nghiên cứu liên quan trước đây [7]. Bảng hỏi tập trung tìm hiểu thông tin về đặc điểm của cán bộ đào tạo KTTT, nội dung, cách thức triển khai chương trình KTTT của các thư viện đại học ở Việt Nam.

Bảng hỏi được gửi tới cán bộ thư viện thuộc sáu trường đại học trên qua email. Nhận được phiếu trả lời, tác giả tiến hành phân tích sơ bộ và tiếp tục thực hiện phỏng vấn để làm sáng tỏ những vấn đề chưa rõ. Dữ liệu được xử lý trên phần mềm Excel.

### 6. Kết quả nghiên cứu và bình luận

#### 6.1. Đặc điểm và nhận thức của cán bộ tham gia đào tạo KTTT cho sinh viên

27 phiếu khảo sát đã được gửi tới cán bộ thư viện trực tiếp tham gia đào tạo KTTT cho sinh viên thuộc sáu trường đại học, 23 phiếu đã được nhận lại, đạt tỷ lệ 85%.

- *Độ tuổi*: Bảng 1 cho thấy, trong số 23 cán bộ thư viện trả lời, 30% là nam và 70% là nữ, phản ánh đúng thực tế đa số cán bộ thư viện đại học ở Việt Nam là nữ. Độ tuổi trung bình của họ khá trẻ, chủ yếu từ 31 đến 40, chiếm 61%; độ tuổi dưới 31 chiếm 30%; độ tuổi từ 41 đến 50 chỉ chiếm 9%; và không có cán bộ nào trên 50 tuổi tham gia đào tạo KTTT.

**Bảng 1.** Số lượng, giới tính và độ tuổi của cán bộ thư viện tham gia đào tạo KTTT

Thư viện	Tổng	Nữ (%)	Nam (%)	Độ tuổi (%)			
				< 31 tuổi	31-40 tuổi	41-50 tuổi	> 50 tuổi
ĐH Hà Nội	4	75	25	25	75	0	0
ĐH Giao thông	2	0	100	0	100	0	0
TTHL Huế	9	78	22	11	67	22	0
ĐH Hà Tĩnh	1	0	100	100	0	0	0
ĐHQG Tp.HCM	5	80	20	80	20	0	0
ĐHVH Tp.HCM	2	100	0	0	100	0	0
<b>Tổng</b>	<b>23</b>	<b>70</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>61</b>	<b>9</b>	<b>0</b>

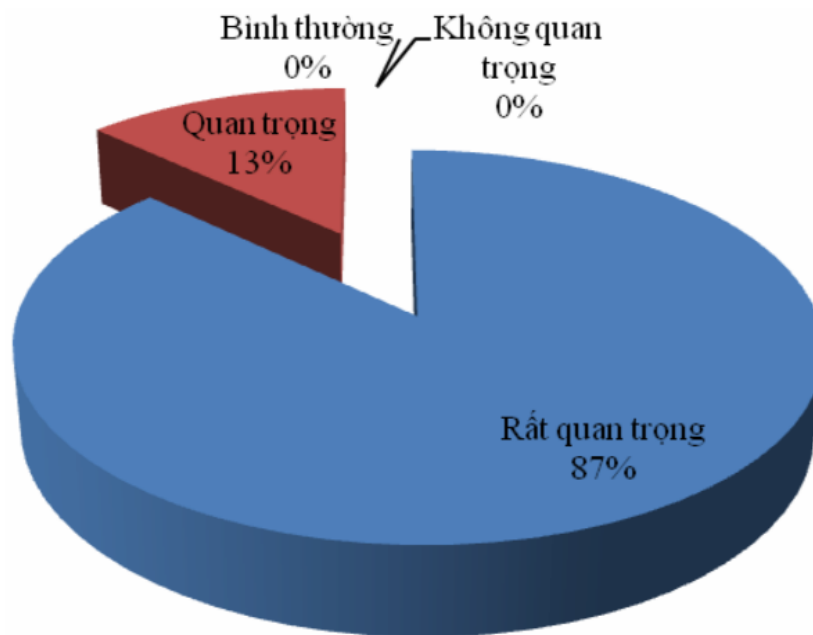
- *Trình độ chuyên môn*: số cán bộ có trình độ cử nhân chiếm 65%, trình độ thạc sỹ - 35%. Thư viện ĐHHN có tỷ lệ

thạc sỹ cao nhất là 75% (3/4 cán bộ), kế đến là Thư viện ĐHGT - 50%. Tuy nhiên, số cán bộ trình độ thạc sỹ tham gia đào

## Nghiên cứu - Trao đổi

tạo KTTT của TTHLH là cao nhất: 4 người. Trong khi ba thư viện còn lại, gồm Thư viện trung tâm thuộc ĐHQG Tp. HCM, Thư viện ĐHVH Tp. HCM và Thư viện ĐHHT, không có cán bộ trình độ thạc sỹ nào tham gia đào tạo KTTT, 100% trình độ cử nhân.

- Nhận thức về tầm quan trọng của việc đào tạo KTTT cho sinh viên: 87% cán bộ thư viện cho rằng rất quan trọng, 13% - quan trọng, và không cán bộ nào cho công việc này là bình thường hoặc không quan trọng [Hình 1].



**Hình 1.** Nhận thức của cán bộ thư viện về tầm quan trọng của việc đào tạo KTTT cho sinh viên

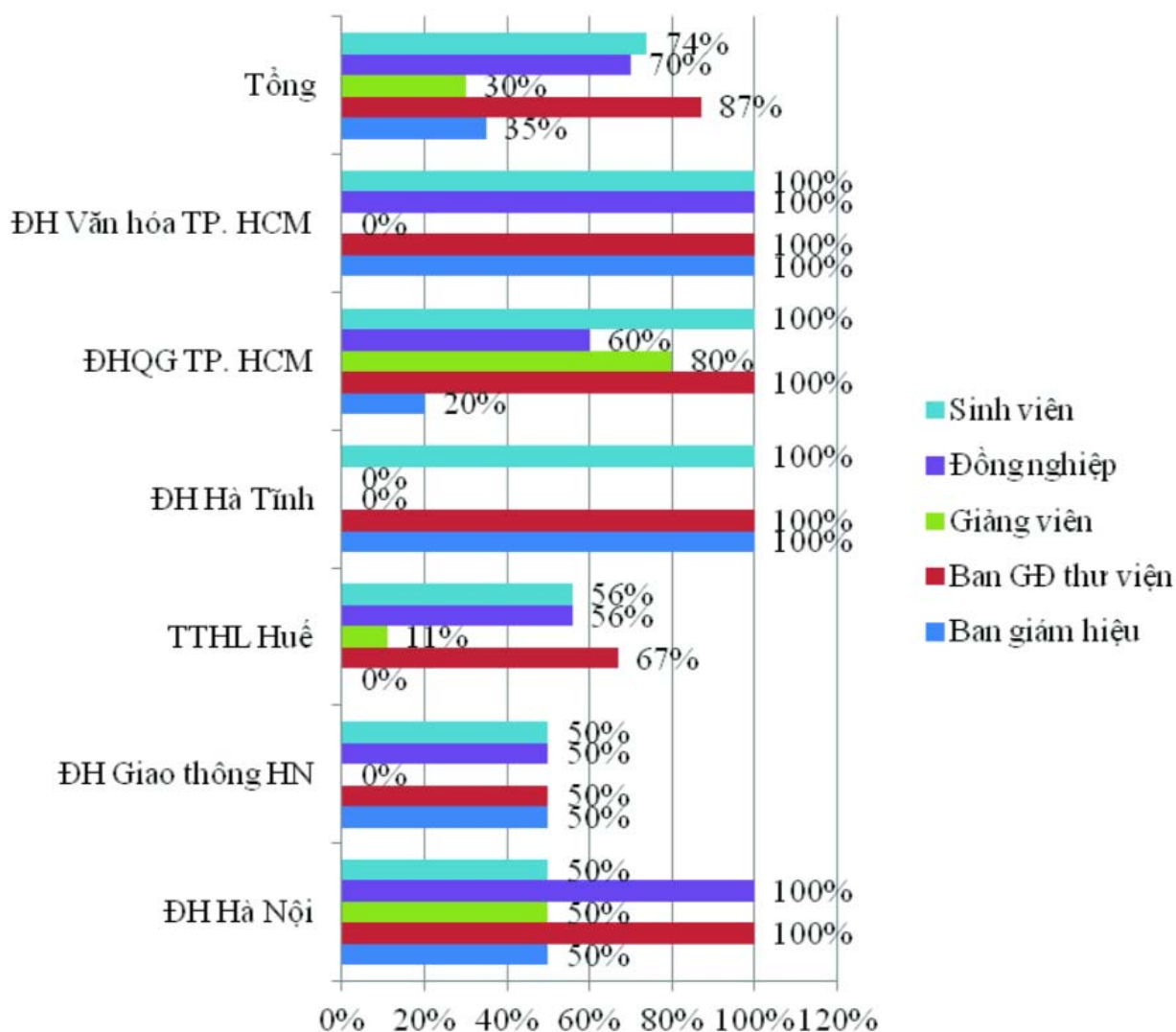
### 6.2. Mức độ quan tâm của các bên liên quan đến phát triển kiến thức thông tin cho sinh viên

Trong số năm đối tượng liên quan trực tiếp đến công tác phát triển KTTT gồm: Ban giám hiệu (hoặc Ban giám đốc) trường đại học, ban giám đốc thư viện, giảng viên/khoa chuyên môn, đồng nghiệp và sinh viên, thì ban giám đốc thư viện quan tâm nhất đến công tác này - 87%; kế đó là sinh viên - 74% và đồng nghiệp - 70%; theo cán bộ thư viện,

ban giám hiệu và giảng viên/khoa chuyên ngành chỉ quan tâm ở mức tương ứng là 35% và 30%.

Mức độ quan tâm của các bên liên quan đến phát triển KTTT ở các trường đại học cũng khác nhau. 80% cán bộ thư viện của Thư viện trung tâm thuộc ĐHQG Tp. HCM cho biết giảng viên có quan tâm, ở ĐHHN - 50%, tại TTHLH - 11%, trong khi tỷ lệ này tại ĐHVH Tp. HCM, ĐHHT, ĐHGT là 0% [Hình 2].

### Nghiên cứu - Trao đổi



**Hình 2.** Mức độ quan tâm của các bên liên quan đến công tác phát triển KTTT cho sinh viên

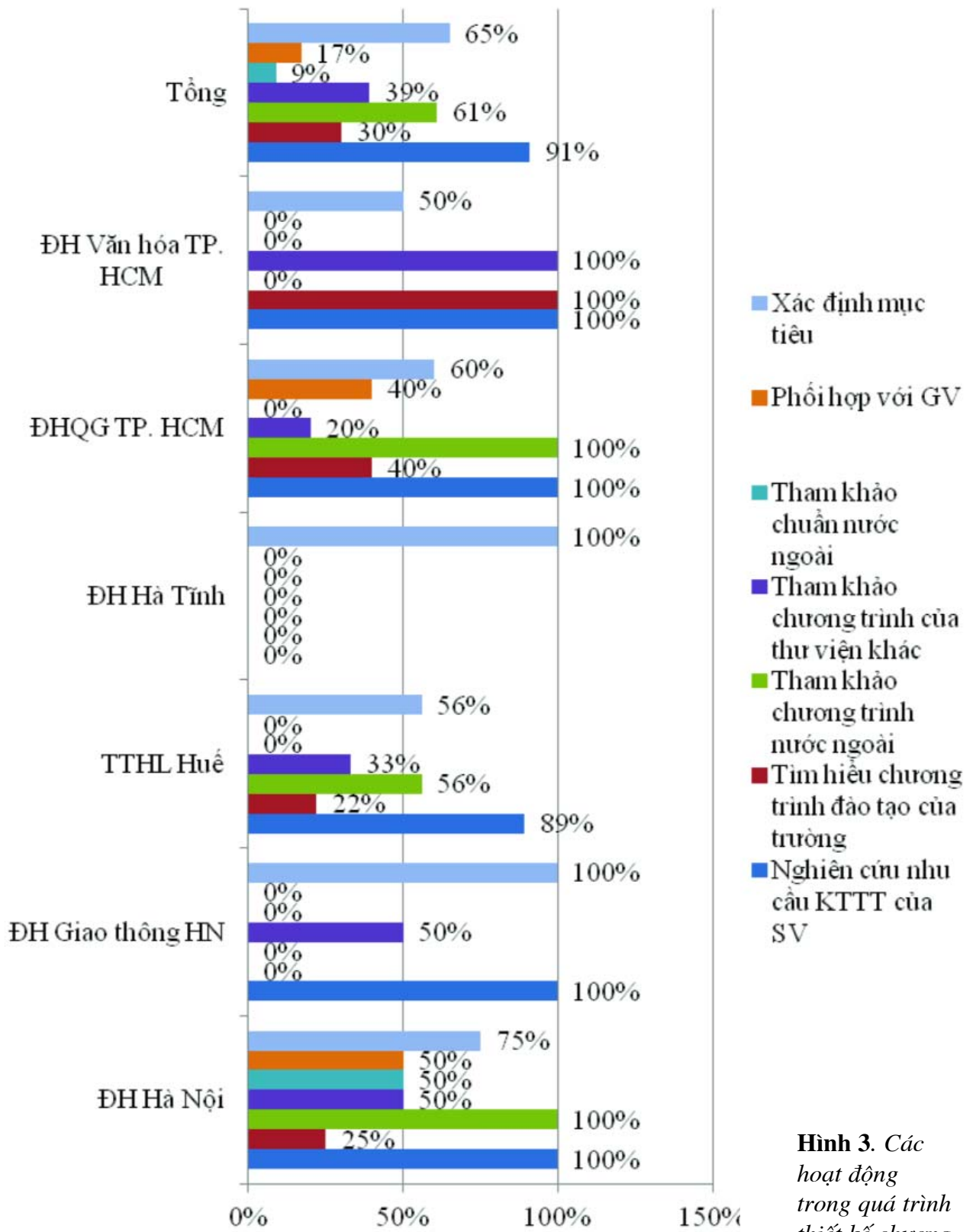
100% cán bộ thư viện của ĐHVH Tp. HCM, ĐHHT cho rằng họ nhận được sự quan tâm của ban giám hiệu đối với việc đào tạo KTTT, tỷ lệ này là 20% tại Thư viện trung tâm thuộc ĐHQG Tp. HCM và 50% tại ĐHHN và ĐHGT. Ở TTHLH, không một cán bộ thư viện nào cho rằng ban giám hiệu (Ban giám đốc Đại học Huế) quan tâm đến công tác này. Kết quả trên cho thấy, thư viện thuộc các đại học quốc gia, đại học vùng ít nhận được quan tâm của ban giám hiệu đến công tác phát triển KTTT hơn so

với thư viện của các trường đại học vừa và nhỏ.

#### 6.3. Thiết kế chương trình kiến thức thông tin

Gần đây, nhiều nghiên cứu cho thấy, KTTT là một khái niệm rộng, để phát triển KTTT cho sinh viên đòi hỏi phải có sự tham gia của nhiều bên liên quan trong việc thiết kế, phân phối chương trình, đặc biệt là sự tham gia của giảng viên, các khoa chuyên môn và cán bộ thư viện.

**Nghiên cứu - Trao đổi**



**Hình 3.** Các hoạt động trong quá trình thiết kế chương trình KTTT

## ***Nghiên cứu - Trao đổi***

Trả lời câu hỏi “Thư viện của anh chị có phối hợp với giảng viên và khoa chuyên ngành để thiết kế chương trình KTTT không?” - chỉ 17% số người được hỏi trả lời “có”, tỷ lệ này là 50% tại ĐHHN và 40% tại Thư viện trung tâm thuộc ĐHQG Tp. HCM [Hình 3].

Để thiết kế chương trình đào tạo KTTT các thư viện cần nghiên cứu nhu cầu và năng lực KTTT của người học, nghiên cứu chương trình đào tạo của nhà trường, tham khảo chương trình KTTT của các thư viện trong và ngoài nước, tham khảo một số chuẩn KTTT hiện có, trên cơ sở đó, thư viện có thể xác định mục tiêu của mỗi khóa học KTTT. Nghiên cứu chỉ ra rằng: 91% cán bộ thư viện có nghiên cứu nhu cầu và năng lực KTTT của sinh viên, 30% - có tìm hiểu chương trình đào tạo của trường mình, 61% - có tham khảo chương trình KTTT của các thư viện khác ở nước ngoài, 39% - có tham khảo chương trình của các thư viện khác ở trong nước, 9% - có tham khảo một số chuẩn KTTT của nước ngoài. Kết quả này chứng tỏ: công tác phát triển KTTT cho sinh viên ở Việt Nam chậm hơn so với các nước trên thế giới (61% cán bộ thư viện tham khảo chương trình của thư viện ở nước ngoài và chỉ 39% - của các thư viện trong nước). Tỷ lệ cán bộ thư viện có tham khảo chương trình của nước ngoài là: 100% tại ĐHHN và Thư viện trung tâm của ĐHQG Tp. HCM, 56%

tại TTHLH, và 0% tại ĐHGT, ĐHHT và ĐHVH Tp. HCM. Tỷ lệ cán bộ thư viện có tham khảo chương trình KTTT của thư viện trong nước là: 100% tại ĐHVH Tp. HCM, 50% - ĐHGT, 33% - TTHLH và 20% - Thư viện trung tâm của ĐHQG Tp. HCM.

65% cán bộ được hỏi cho biết chương trình KTTT của thư viện mình có xác định mục tiêu môn học, 9% - có tham khảo chuẩn KTTT của nước ngoài (9% cán bộ này hoàn toàn thuộc thư viện ĐHHN).

### ***6.4. Đối tượng người học và các mô hình khóa học kiến thức thông tin***

Theo các chuẩn KTTT của Hoa Kỳ, Anh, Ôxtralia và New Zealand, chương trình KTTT gồm nhiều nội dung, nhiều trình độ khác nhau dành cho các đối tượng khác nhau. KTTT cần được tích hợp vào chương trình đào tạo của nhà trường và được giảng dạy trong suốt quá trình đào tạo. Tuy nhiên, nghiên cứu cho thấy: 50% các thư viện được khảo sát (gồm thư viện ĐHGT, ĐHVH Tp. HCM và ĐHHT) chỉ có một khóa học giới thiệu về thư viện, cách tìm tài liệu chỉ dành cho sinh viên năm thứ nhất. Các khóa học này được ghép vào buổi định hướng sinh viên đầu năm của trường hoặc thư viện mở lớp riêng trước khi cấp thẻ bạn đọc cho sinh viên. 50% số thư viện còn lại (gồm thư viện ĐHHN, ĐH Huế, ĐHQG Tp. HCM) thiết kế khóa

## ***Nghiên cứu - Trao đổi***

học như trên dành cho sinh viên năm thứ nhất và một số khóa học nâng cao dành cho sinh viên các năm khác, bao gồm cả học viên cao học. Đặc biệt, Thư viện trung tâm ĐHQG Tp.HCM còn có khóa học dành cho giảng viên và cán bộ nhà trường.

Theo Corazzi và Thorpe [6], các trường đại học trên thế giới hiện thiết kế các chương trình KTTT theo bốn mô hình gồm:

- KTTT là một khóa học trong chương trình đào tạo của nhà trường, do các giảng viên đảm nhiệm.

- KTTT là một hoặc nhiều khóa học không thuộc chương trình đào tạo của nhà trường do các cán bộ thư viện giảng dạy.

- KTTT được tích hợp hoàn toàn vào các chương trình giáo dục của trường đại học.

- KTTT được tích hợp một phần vào chương trình giảng dạy của trường. Với mô hình này cán bộ thư viện có thể tham gia một phần trong một số môn học nhất định để hỗ trợ sinh viên nhận dạng nhu cầu, tìm tài liệu cho môn học [5].

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tất cả các thư viện đại học ở Việt Nam đều thiết kế chương trình KTTT theo mô hình thứ hai. Hiện nay, 50% số thư viện chỉ thiết kế một khóa học giới thiệu về thư viện, cách tìm tài liệu của thư viện cho tất cả các đối tượng khác

nhau. 50% số thư viện còn lại, bao gồm TTHLH, Thư viện trung tâm ĐHQG Tp. HCM và Thư viện ĐHHN, thiết kế các khóa học nâng cao dành cho các đối tượng khác nhau ngoài khóa học định hướng thư viện. Duy nhất chỉ có Thư viện ĐHHN thiết kế mô hình KTTT tích hợp một phần vào chương trình giảng dạy của trường theo năm bước:

+ Bước 1: Làm đề tài nghiên cứu khoa học.

+ Bước 2: Gửi chương trình KTTT cho giảng viên khoa Công nghệ thông tin xem và bày tỏ nguyện vọng tham gia giảng dạy.

+ Bước 3: Lên kế hoạch chương trình giảng dạy.

+ Bước 4: Soạn bài giảng.

+ Bước 5: Duyệt bài giảng và tham gia giảng dạy.

### ***6.5. Nội dung chương trình kiến thức thông tin***

Các chuẩn KTTT của Hoa Kỳ, Anh, IFLA, Ôxtralia và New Zealand, đều đề cập tới các khía cạnh nội dung khác nhau của KTTT. Các kỹ năng sinh viên cần nắm bao gồm: nhận diện nhu cầu tin, tính toán chiến lược tìm tin; tìm và đánh giá thông tin từ nhiều nguồn thông tin khác nhau ở các định dạng khác nhau, hiểu các vấn đề đạo đức và pháp lý có liên quan đến sử dụng thông tin, quản lý thông tin đã thu thập được và biết cách trình bày, trao đổi thông tin.

## **Nghiên cứu - Trao đổi**

**Bảng 2:** Nội dung chương trình KTTT của các thư viện đại học

<b>Nội dung chương trình KTTT</b>	<b>ĐH Hà Nội</b>	<b>ĐH Giao thông</b>	<b>TTHL Huế</b>	<b>ĐH Hà Tĩnh</b>	<b>ĐHQG Tp. HCM</b>	<b>ĐHVH Tp. HCM</b>	<b>Tổng</b>
Giới thiệu thư viện/sản phẩm và dịch vụ của thư viện (%)	75	100	89	100	100	100	<b>91</b>
Nhận dạng nhu cầu tin(%)	50	0	11	0	100	50	<b>39</b>
Xây dựng chiến lược tìm tin (%)	100	100	89	100	100	50	<b>91</b>
Tìm và đánh giá thông tin trên Internet (%)	100	0	89	100	100	0	<b>78</b>
Tìm tài liệu trên OPAC (%)	100	50	100	100	100	50	<b>91</b>
Tìm tài liệu trong hệ thống mục lục truyền thống (%)	0	0	22	0	20	100	<b>22</b>
Tìm tài liệu trong kho mở (%)	25	100	44	0	80	0	<b>48</b>
Tìm tin trong các CSDL chuyên ngành (%)	25	0	100	0	100	50	<b>70</b>
Sử dụng các nguồn tham khảo (%)	0	0	22	0	0	50	<b>13</b>
Trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo (%)	100	0	56	0	80	0	<b>57</b>
Bản quyền và sở hữu trí tuệ (%)	50	0	11	0	100	50	<b>39</b>
Hướng dẫn tin học văn phòng (%)	0	0	0	0	80	0	<b>17</b>
Tổ chức và quản lý thông tin đã thu thập (%)	75	0	11	0	0	0	<b>17</b>
Tư vấn các nguồn thông tin về các chủ đề cụ thể (%)	75	0	44	0	40	0	<b>39</b>
Phát triển đề tài nghiên cứu (%)	75	0	11	0	100	0	<b>39</b>

Kết quả nghiên cứu cho thấy: 91% số người được hỏi cho biết các sản phẩm và dịch vụ của thư viện và bản thân thư viện có được giới thiệu trong chương trình KTTT. Về các nhóm kỹ năng KTTT: 91% cán bộ thư viện cho rằng thư viện có hướng dẫn sinh viên phương pháp xây dựng chiến lược

tìm tin và tìm tài liệu trong OPAC của thư viện; kỹ năng tìm và đánh giá thông tin trên Internet - 78%; kỹ năng tìm tin trong các CSDL chuyên ngành - 70%; kỹ năng trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo - 57%; các kiến thức và kỹ năng còn lại - 50%. Cụ thể: kỹ năng tìm tài liệu trong

## Nghiên cứu - Trao đổi

kho mở - 48%; kỹ năng nhận dạng nhu cầu tin, kỹ năng phát triển đề tài nghiên cứu, kiến thức về bản quyền và sở hữu trí tuệ, tư vấn cho sinh viên các nguồn thông tin về các đề tài cụ thể - 39%; kỹ năng tìm tài liệu trong mục lục truyền thống - 22%; kỹ năng tổ chức và sắp xếp thông tin - 17%; hướng dẫn sinh viên sử dụng các nguồn thông tin tham khảo như bách khoa toàn thư, thư mục, tài liệu tra cứu, chỉ dẫn, bản đồ, các loại từ điển,... - 13%.

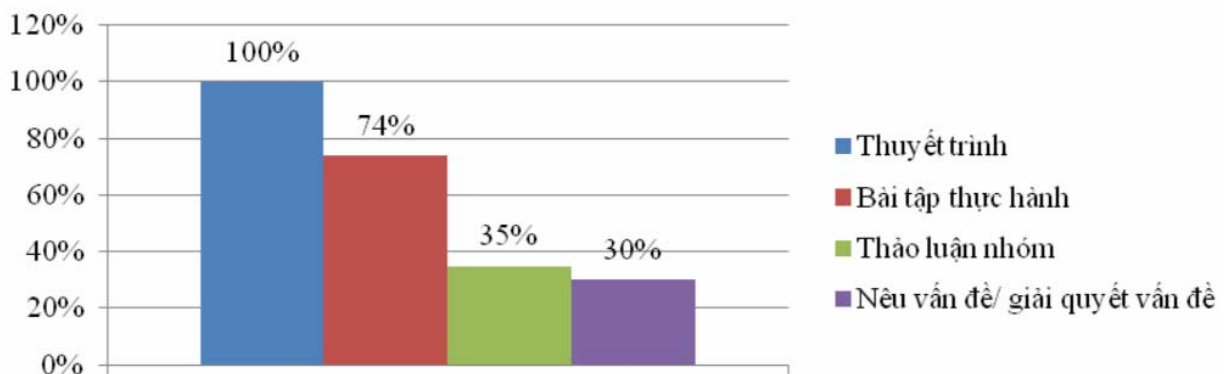
Số lượng nội dung kiến thức và kỹ năng được các thư viện đào tạo cũng khá khác nhau. Tại một số thư viện, chương trình KTTT rất nghèo nàn như: Thư viện ĐHHT chỉ giới thiệu cho sinh viên về thư viện, kỹ năng xây dựng chiến lược tìm tin, tìm và đánh giá thông tin trên Internet và sử dụng OPAC; Thư viện ĐHGT, ngoài việc giới thiệu thư viện, chỉ đào tạo cho sinh viên chiến lược tìm tin, tìm tài liệu trên OPAC và tìm tài liệu trong kho tự chọn của thư viện. Trong khi chương trình KTTT của số thư viện còn lại khá phong phú: Thư viện ĐHHN đào tạo cho sinh viên 12 trong tổng số 15 nội dung được liệt kê trong bảng 2;

Thư viện trung tâm thuộc ĐHQG Tp. HCM đào tạo 13 nội dung (trừ nội dung giới thiệu về nguồn tài liệu tham khảo và nội dung về kỹ năng quản lý, sắp xếp thông tin đã thu thập); TTHLH đào tạo 14 nội dung, trừ tin học văn phòng.

### 6.6. Triển khai và đánh giá chương trình đào tạo

Về cán bộ giảng dạy: trả lời câu hỏi “Ai là người trực tiếp giảng dạy KTTT cho sinh viên?”, 100% cho rằng - cán bộ thư viện; 26% - thư viện phối hợp với giảng viên; không một ai cho rằng chương trình này chỉ do giảng viên đảm nhiệm.

Về các hình thức đào tạo: 100% thư viện sử dụng hình thức lớp học truyền thống; 83% - cung cấp cho sinh viên tài liệu hướng dẫn KTTT dưới dạng in ấn. Các thư viện đại học vừa và lớn như TTHLH, Thư viện trung tâm ĐHQG Tp. HCM, và thư viện ĐHHN đều áp dụng các hình thức đào tạo như thăm quan thư viện, tư vấn trực tiếp cho cá nhân, cung cấp bài giảng trực tuyến; ba thư viện còn lại không triển khai các hình thức này.



Hình 4. Các phương pháp giảng dạy KTTT cho sinh viên

## ***Nghiên cứu - Trao đổi***

Về các phương pháp giảng dạy KTTT được sử dụng: phương pháp thuyết trình - 100% số người được hỏi; ra bài tập thực hành cho sinh viên - 74%; thảo luận nhóm - 35% và đặt vấn đề/ giải quyết vấn đề - 30% [Hình 4].

Về số lượng sinh viên trong mỗi lớp và thời gian tổ chức khóa học KTTT: các thư viện đều tổ chức lớp định hướng thư viện vào đầu năm học cho sinh viên năm thứ nhất. Lớp học này thường khá đông, từ 40 sinh viên trở lên. Ngoài ra, một số thư viện tổ chức các lớp học nâng cao do sinh viên tự nguyện đăng ký (số người trong mỗi lớp tùy theo số lượng sinh viên đăng ký, thường từ 10 người trở lên) vào bất kỳ thời điểm nào trong năm.

Về đánh giá hiệu quả giảng dạy: 61% sử dụng hình thức phiếu khảo sát; 57% - đánh giá qua bài tập và biểu hiện của sinh viên trong lớp; 39% - đánh giá thông qua bài kiểm tra; 13% - phỏng vấn sinh viên và không một ai áp dụng hình thức kiểm tra trực tuyến. Số người không áp dụng hình thức đánh giá nào là 9%.

### **7. Kết luận và đề xuất**

Từ các kết quả nghiên cứu trên có thể rút ra một số kết luận sau:

Các cán bộ tham gia giảng dạy đều nhận thức được tầm quan trọng của việc trang bị KTTT cho sinh viên.

Hầu hết cán bộ tham gia đào tạo KTTT đều khá trẻ, chủ yếu ở độ tuổi 30 đến 40, chiếm 61%. 65% cán bộ có trình độ cử nhân và 35% có trình độ thạc sĩ.

Các chương trình KTTT chủ yếu nhận được sự quan tâm của ban giám đốc thư

viện và sinh viên. Thư viện chưa thu hút được sự quan tâm nhiều của ban giám hiệu và giảng viên/khoa chuyên ngành đến hoạt động này.

Trong quá trình thiết kế chương trình KTTT, thư viện chủ yếu dựa vào nhóm cán bộ được phân công, hầu hết các thư viện chưa phối hợp được với giảng viên và khoa chuyên ngành. Các thư viện đại học lớn có xu hướng tham khảo chương trình KTTT của nước ngoài, trong khi các thư viện đại học nhỏ quan tâm tham khảo chương trình KTTT của các thư viện trong nước hơn. Chỉ có 9% cán bộ thư viện tham khảo chuẩn KTTT của nước ngoài khi thiết kế chương trình KTTT cho sinh viên.

Tất cả các thư viện đều thiết kế khóa học định hướng thư viện cho sinh viên năm thứ nhất, 50% thư viện có thiết kế các khóa học nâng cao dành cho sinh viên các năm khác nhau, bao gồm cả học viên cao học, cán bộ và giảng viên.

Thư viện ĐHHN bước đầu đã thiết kế chương trình KTTT lồng ghép vào chương trình của khoa *Công nghệ thông tin*.

Nội dung chương trình KTTT có sự khác biệt về mức độ phong phú giữa hai nhóm thư viện đại học lớn và thư viện đại học vừa và nhỏ. Các thư viện đại học lớn đào tạo hầu hết các kỹ năng và kiến thức thông tin, trong khi thư viện đại học vừa và nhỏ chỉ tổ chức lớp định hướng thư viện với các nội dung như giới thiệu thư viện, hướng dẫn sử dụng OPAC.

Hiện nay các thư viện đào tạo KTTT

## ***Nghiên cứu - Trao đổi***

cho sinh viên chủ yếu dựa trên hình thức lớp học truyền thống. Một số thư viện lớn đã cung cấp các bài giảng điện tử trên mạng Internet. Cán bộ thư viện về cơ bản vẫn sử dụng hình thức thuyết trình và bài tập thực hành. Số cán bộ sử dụng phương pháp giảng dạy đặt vấn đề/ giải quyết vấn đề và phương pháp thảo luận nhóm còn khiêm tốn ở mức 30% và 35%.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số kiến nghị sau:

- Ban giám đốc thư viện cần sử dụng các phương pháp tiếp cận khác nhau để thu hút sự quan tâm của ban giám hiệu và giảng viên đến chương trình phát triển KTTT cho sinh viên.

- Các thư viện cần tiếp tục quan tâm nâng cao trình độ, đặc biệt là KTTT và ngoại ngữ, cần đẩy mạnh phối hợp với

khoa chuyên ngành và giảng viên để tích hợp KTTT vào chương trình đào tạo của nhà trường.

- Các thư viện nhỏ nên thiết kế thêm các khóa học KTTT nâng cao dành cho sinh viên các năm khác nhau; cần đa dạng hóa hình thức giảng dạy và giảng dạy đầy đủ các nội dung KTTT mà các chuẩn KTTT của nước ngoài đã đề xuất.

- Cán bộ thư viện tham gia giảng dạy nên áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực như: giải quyết vấn đề, tư duy phân tích, thảo luận và làm việc nhóm.

- Tăng cường cung cấp các bài giảng trực tuyến trên website của thư viện hoặc của nhà trường để sinh viên có thể tham khảo được bất cứ khi nào họ cần.

## **Tài liệu tham khảo**

1. Association of College and Research Libraries. (2000). Information Literacy Competency Standards for Higher Education. Tra cứu ngày 22/4/2013 tại địa chỉ: <http://www.ala.org/acrl/ilcomstan.html>

2. Boekhorst, A. K. (2004). Information literacy at school level: a comparative study between the Netherlands and South Africa. *South African journal of Library and Information Science*, 70 (2): 63 - 71.

3. Boekhorst, A.K. (2003). Becoming information literate in the Netherlands. *Library Review*, 52(7), 298-309.

4. Characteristics of Excellence in Higher Education, 2009, p. 42. [http://www.msche.org/publications/CHX06\\_Aug08REVMarch09.pdf](http://www.msche.org/publications/CHX06_Aug08REVMarch09.pdf)

5. CILIP [Chartered Institute of Library and

Information Professionals] (2004). Information Literacy: Definition. Tra cứu ngày 22/4/2013 tại địa chỉ: <http://www.cilip.org.uk/policyadvocacy/informationliteracy/definition/default.htm>

6. Corazzi, Suzanne and Louise Thorpe. (2000). Models of use In: *Key To Key Skills : Final Report 1*. Sheffield : Sheffield Hallam University and Leeds Metropolitan University

7. Tan Shyh-Mee and Diljit Singh (2008), An assessment of the information literacy levels of library and media teachers in the Hulu Langat district, Malaysia. In Abrizah Adullah, et al (Eds). *ICOLIS 2008*, Kuala Lumpur: LISU, FCSIT, pp 79-89.

8. UNESCO. (2005). Development of information literacy through school libraries in South-East Asian countries. Project. Bangkok

*(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 6-9-2013; Ngày phản biện đánh giá: 8-11-2013; Ngày chấp nhận đăng: 18-12-2013).*